

1. Đối với phương thức xét tuyển bằng điểm thi THPT năm 2022

TT	Ngành	Chuyên ngành	Điểm	Mã xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp	20.0	GTADCQT2
2		Quản trị Marketing	20.0	GTADCQM2
3	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử	21.0	GTADCTD2
4	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	19.0	GTADCTN2
5	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	20.0	GTADCKT2
6		Kế toán doanh nghiệp (học tại Vĩnh Phúc)	15.0	GTADCKT1
7	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	19.0	GTADCTM2
8	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin	19.0	GTADCHT2
9	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	21.0	GTADCTT2
10		Trí tuệ nhân tạo và giao thông thông minh	19.0	GTADCTG2
11		Công nghệ thông tin (học tại Vĩnh Phúc)	15.0	GTADCTT1
12	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Công nghệ kỹ thuật XDCT DD&CN	15.5	GTADCDD2
13		Công nghệ kỹ thuật XDCT DD&CN (học tại Thái Nguyên)	15.0	GTADCDD3
14		Công nghệ kỹ thuật XDCT DD&CN (học tại Vĩnh Phúc)	15.0	GTADCDD1
15	Công nghệ kỹ thuật giao thông	Công nghệ kỹ thuật XD Cầu đường bộ	15.5	GTADCCD2

16		Hạ tầng giao thông đô thị thông minh	15.5	GTADCCH2
17		CNKT XD Cầu đường bộ (học tại Thái Nguyên)	15.0	GTADCCD3
18		Công nghệ kỹ thuật XD Cầu đường bộ (học tại Vĩnh Phúc)	15.0	GTADCCD1
19	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật Tàu thủy và thiết bị nổi	15.5	GTADCMT2
20		CNKT Đầu máy - toa xe và tàu điện Metro	15.5	GTADCDM2
21		Công nghệ kỹ thuật Máy xây dựng	15.5	GTADCMX2
22		Công nghệ chế tạo máy	16.0	GTADCCM2
23		Công nghệ chế tạo máy (học tại Vĩnh Phúc)	15.0	GTADCCM1
24	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	19.0	GTADCCN2
25		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử trên ô tô	19.0	GTADCCO2
26	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	20.0	GTADCOT2
27		Công nghệ kỹ thuật Ô tô (học tại Thái Nguyên)	15.0	GTADCOT3
28		Công nghệ kỹ thuật Ô tô (học tại Vĩnh Phúc)	15.0	GTADCOT1
29	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - viễn thông	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - viễn thông	18.0	GTADCDT2
30		CNKT Điện tử - viễn thông (học tại Vĩnh Phúc)	15.0	GTADCDT1

31	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Công nghệ và quản lý môi trường	15.0	GTADCMN2
32	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	22.0	GTADCLG2
33		Logistics và hạ tầng giao thông	19.0	GTADCLH2
34		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (học tại Vĩnh Phúc)	15.0	GTADCLG1
35	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	17.0	GTADCKX2
36		Kinh tế xây dựng (học tại Vĩnh Phúc)	15.0	GTADCKX1
37	Khai thác vận tải	Logistics và vận tải đa phương thức	17.0	GTADCVL2
38	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	16.0	GTADCQX2

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng (nếu có)

Trong đó:

- + Điểm môn 1, điểm môn 2, điểm môn 3 là điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển;
- + Điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng được tính theo quy định;
- Các ngành xét tuyển bằng các tổ hợp môn: A00, A01, D01, D07;
- Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp môn xét tuyển: bằng không.

2. Phương xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức năm 2022

TT	Ngành	Chuyên ngành	Điểm	Mã XT
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp	15.0	GTADCQT2
2		Quản trị Marketing	15.0	GTADCQM2
3	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử	15.0	GTADCTD2

4	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	15.0	GTADCKT2
5	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin	15.0	GTADCHT2
6	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	15.0	GTADCTT2
7	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Công nghệ kỹ thuật XDCT DD&CN	15.0	GTADCDD2
8	Công nghệ kỹ thuật giao thông	Công nghệ kỹ thuật XD Cầu đường bộ	15.0	GTADCCD2
9		Hạ tầng giao thông đô thị thông minh	15.0	GTADCCH2
10	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật Máy xây dựng	15.0	GTADCMX2
11		Công nghệ chế tạo máy	15.0	GTADCCM2
12	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	15.0	GTADCCN2
13		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử trên ô tô	15.0	GTADCCO2
14	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	15.0	GTADCOT2
15	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - viễn thông	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - viễn thông	15.0	GTADCDT2

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng (nếu có)

Trong đó:

+ Điểm môn 1, điểm môn 2, điểm môn 3 là điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (K01, K02) của 3 phần thi trong tổ hợp xét tuyển đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức trong năm 2022;

+ Điểm ưu tiên gồm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT;

+ Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp: bằng không.